

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN Đ
TỈNH KIÊN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7 - 2020

V/v tranh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ TỈNH KIÊN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Huỳnh Kim N**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số nhà 313A, Ấp Đường Xuông, xã Long Thạnh, huyện Giồng R, tỉnh Kiên G (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* **Anh Lê Tân Đ1**, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ L, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Kim N trình bày: Qua mai mối, tìm hiểu và được sự chấp thuận của hai bên gia đình, năm 2013 chị và anh Lê Tân Đ1 tổ chức đám cưới, sau đó đến ngày 03/12/2014 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G. Sau khi cưới, chị chung sống với gia đình chồng. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và anh chị có 01 con chung là cháu Lê Thị Huỳnh Giao, sinh ngày 19/8/2014. Tuy nhiên thời gian về sau, giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu do anh Đ1 thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm, chăm lo cho vợ con, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Đ1 không sửa đổi. Do đó, chị đã ôm con bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2016 cho đến nay và giữa anh chị không còn qua lại với nhau nữa. Theo thông tin

chị được biết thì hiện nay anh Đ1 đã có vợ khác. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ1.

- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi cháu Lê Thị Huỳnh Giao và không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác nhận quá trình chung sống không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tân Đ1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Kim N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Tân Đ1 mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ1 không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ1 và tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh Đ1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ1 chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G ngày 03/12/2014, đó đó hôn nhân giữa chị N và anh Đ1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù thời gian đầu chị N và anh Đ1 chung sống với nhau hạnh phúc và có 01 con chung cháu Lê Thị Huỳnh Giao, sinh ngày 19/8/2014, nhưng kể từ năm 2016 tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, giữa chị N và anh Đ1 thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, hai người không còn tiếng nói chung và sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy giữa anh chị không còn đời sống chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ1, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho chị N ly hôn với anh Đ1 theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Từ khi sinh cháu Lê Thị Huỳnh Giao cho đến nay, cháu Giao sống với chị N, chị N vẫn đảm bảo cuộc sống cho con, hơn nữa trong thời gian sống ly thân, anh Đ1 thiếu sự quan tâm, chăm sóc con, không điện thoại hỏi han hay qua lại thăm nom con, do đó xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, cần giao cháu Lê Thị Huỳnh Giao, sinh ngày 19/8/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự thấy bản thân đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị.

[6] Về án phí: Chị N yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Kim N ly hôn với anh Lê Tân Đ1.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị Huỳnh Giao, sinh ngày 19/8/2014 cho chị Huỳnh Kim N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Giao thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đ1 được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đ1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Chị Huỳnh Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009335 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G. Chị N không phải nộp thêm.
6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đ;
- CCTHADS huyện Hòn Đ;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Mỹ L;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình Phạm Hồng Gái

Nguyễn Thị Tuyết Mai